

NGUYỄN VĂN HIỆP\*  
NGUYỄN VĂN GIÁC\*\*  
TRẦN HẠNH MINH PHƯƠNG\*\*\*

## QUÁ TRÌNH ĐỊNH CƯ VÀ ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI CÔNG GIÁO DI CƯ TẠI XÃ LẠC AN, HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG GIAI ĐOẠN (1954-1957)

**Tóm tắt:** Dựa vào nguồn tư liệu lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ quốc gia II, kỷ yếu của giáo xứ, tư liệu điền dã từ phỏng vấn hồi cố, phỏng vấn sâu linh mục, giáo dân, bài viết khái quát quá trình định cư và nhận diện đời sống của người Công giáo di cư tại Lạc An từ năm 1954 đến 1957. Trong số những người di cư từ Bắc vào Nam có 75% là người Công giáo, qua nghiên cứu cho thấy giáo dân Lạc An vốn từ các giáo xứ Vạn Phúc, Ngọc Tiên, Hoàng Châu, Mỹ Vân và Biên Hà thuộc giáo phận Thái Bình (gồm hai tỉnh Thái Bình và Hưng Yên) đến định cư từ tháng 9/1955 tạo lập các giáo xứ mang tên giống với các giáo xứ tại quê nhà. Được sự dẫn dắt của linh mục và sự hỗ trợ của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa cùng với nỗ lực của cá nhân, cộng đồng giáo dân Lạc An sớm ổn định cuộc sống bằng nghề nông, chài lưới, nghề thủ công truyền thống. Các nhà thờ, trường học, chợ cũng lần lượt được hình thành để đáp ứng nhu cầu của cộng đồng di cư nơi miền đất hứa.

**Từ khóa:** Công giáo, di cư, người Công giáo di cư, Lạc An, Bình Dương, 1954 – 1975, Việt Nam

\*, \*\*, \*\*\* Trường Đại học Thủ Dầu Một, Bình Dương.

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Thủ Dầu Một trong đề tài mã số TL.21.4.003 “Công giáo Bình Dương (giai đoạn 1747-2017)” do PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệp làm chủ nhiệm.

Ngày nhận bài: 25/1/2024; Ngày biên tập: 18/2/2024; Duyệt đăng: 14/4/2024.

## Dẫn nhập

Không khu vực nào ở Bình Dương có mật độ nhà thờ Công giáo dày đặc như xã Lạc An, dọc hai bên đường ĐH 414 dài hơn 2km có đến chín nhà thờ theo thứ tự (từ hướng Thường Tân): nhà thờ Biên Hà, Lục Điền, Mỹ Vân, Hoàng Châu, Võng Phan, Cảnh Lâm, Ngọc Đồng, Thượng Phúc, Hiếu Liêm, chưa kể các nhà nguyện Hạ Lễ, Lê Xá, nhà nguyện Giuse, Thánh Tâm, Phêrô. Đó là kết quả “cuộc di cư” của người Công giáo từ hai tỉnh Thái Bình và Hưng Yên sau Hiệp định Genève năm 1954. Những người Công giáo di cư không chỉ góp phần vào công cuộc khẩn hoang vùng đất Bình Dương xa xôi lúc bấy giờ, mà còn mang đến nơi này những nét văn hóa đặc trưng của miền Bắc, góp phần làm phong phú bức tranh văn hóa Bình Dương. Để hiểu rõ hơn về lịch sử vùng đất và văn hóa của Bình Dương không thể không nghiên cứu cộng đồng di cư số lượng lớn, cư trú liên tục tại một vùng đất rộng lớn trong suốt 70 năm. Dù vậy, trong các công trình nghiên cứu về “Bắc di cư năm 1954” hoàn toàn bị “bỏ quên” cộng đồng này dù họ là một bộ phận không nhỏ trong số những người Công giáo di cư trong thời điểm ấy. Từ hai lý do này, việc nghiên cứu vùng Công giáo di cư Lạc An (nay thuộc xã Lạc An, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương) là rất cần thiết.

Đây là một nghiên cứu liên ngành Sử học, Dân tộc học và Tôn giáo học, nhằm phân tích và khái quát trình di cư và định cư của người Công giáo tại Lạc An theo hướng tiếp cận lịch sử đặt trong bối cảnh xã hội và quá trình định cư của cộng đồng, đồng thời nhận diện đời sống của cộng đồng này dưới nhãn quan của Tôn giáo học và Dân tộc học. Nguồn dữ liệu gồm tư liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, kỹ yếu của các giáo xứ, công trình nghiên cứu liên quan đến người Công giáo di cư; tư liệu điền dã gồm thông tin phỏng vấn sâu và phỏng vấn hồi cố Linh mục, giáo dân am hiểu về cộng đồng.

Được xem là *cuộc đại di cư* của người Công giáo vào năm 1954 nên có rất nhiều công trình đề cập đến cuộc di cư này dù những công trình này không phải là chuyên khảo về người Công giáo di cư. Những tác phẩm Sử học của Harvey Neese và John O'Donnell (2001), *Prelude to Tragedy: Vietnam, 1960-1965* [Mở đầu bi kịch: Việt Nam, 1960-1965]; Robert Shaplen (1965), *The Lost Revolution: The Story of Twenty Years of*

*Neglected Opportunities in Vietnam and of America's Failure to Foster Democracy There* [Cuộc cách mạng đã mất: Câu chuyện về 20 năm cơ hội bị bỏ qua ở Việt Nam và sự thất bại của Mỹ trong việc thúc đẩy dân chủ tại Việt Nam]; và Charles A. Joiner (1974), *The Politics of Massacre: Political Processes in South Vietnam* [Chính trị của vụ thảm sát: tiến trình chính trị ở miền Nam Việt Nam]; Robert Scheer (1974), *Genesis of United States Support for the Regime of Ngo Dinh Diem* [Nguồn gốc của việc Hoa Kỳ Hỗ trợ Chế độ Ngô Đình Diệm] và *Behind the Miracle of South Vietnam* [Đằng sau sự kỳ diệu của miền Nam Việt Nam] trong *Vietnam and America: A Documented History* [Việt Nam và Hoa Kỳ: Lịch sử được ghi chép] do Marvin E. Gettleman làm chủ biên cùng các cộng sự (1985) xem xét mối quan hệ của người Công giáo di cư năm 1954 với chính quyền Ngô Đình Diệm. Các nghiên cứu cho rằng họ hiện diện quá mức trong lực lượng quân đội và bộ máy dân chính Việt Nam Cộng Hòa, giới học giả cũng như các nghề chuyên môn ở miền Nam, nhóm thân cận thuộc chế độ Ngô Đình Diệm vì vậy họ có ảnh hưởng sâu sắc đến tiến trình chính trị của Việt Nam Cộng hòa cả trong và sau thời kỳ Ngô Đình Diệm.

Nhóm những công trình khác của Edgar O'Balance (1964), *The Indo-China War, 1945-1954: A Study in Guerilla Warfare* [Chiến tranh Đông Dương, 1945-1954: Nghiên cứu về chiến tranh du kích]; Martin Windrow (2006), *The Last Valley: Dien Bien Phu and the French Defeat in Vietnam* [Thung lũng cuối cùng: Điện Biên Phủ và thất bại của Pháp ở Việt Nam]; Bùi Văn Lương (1959), "Role of Friendly Nations" [Vai trò của các nước đồng minh], trong *Vietnam, the First Five Years: An International Symposium* [Việt Nam, Năm năm đầu tiên: Một thương thảo quốc tế], do Richard W. Lindholm chủ biên (East Lansing: Michigan State University Press, 1959) mô tả thời khắc người Công giáo di cư "vào thời điểm Hội nghị Geneva kết thúc, hai mươi lăm ngàn người tị nạn Công giáo đã có mặt tại Hà Nội, mười lăm ngàn người ở Hải Phòng và năm ngàn người ở Hải Dương".

Những nghiên cứu của Cecil B. Currey, Edward Landsdale (1988): *The Unquiet American* [Người Mỹ không thảnh lặn] hay Harry Haas và Nguyễn Bảo Công (1971), *Vietnam: The Other Conflict* [Việt Nam: Sự xung đột khác] lý giải quyết định Nam tiến của những người Công giáo 1954-1955, nhấn mạnh vào các hoạt động "chiến tranh tâm lý" của Đại tá Lansdale và Cục tình báo CIA nhằm khuyến khích cư dân miền Bắc- đặc biệt là dân Công giáo- chuyển đến miền Nam. Piero Gheddo (1968) trong *The*

*Cross and the Bo Tree* lại cho rằng “Họ ra đi để bảo tồn tín ngưỡng”. Cùng quan điểm này Bernard Fall đánh giá “dân Công giáo Bắc kỳ ra đi bởi họ từng có một kinh nghiệm lâu dài sống dưới tay các đồng bào phi Công giáo của họ, không phải vì chiến dịch chiến tranh tâm lý”.

Ngoài những công trình lịch sử kể trên còn có những nghiên cứu chuyên về người Công giáo di cư năm 1954 của Võ Tự Do, Nguyễn Đức Lộc, Trần Hữu Hợp, Nguyễn Quang Hưng, Trần Thị Liên và Peter Hansen. Cụ thể:

Võ Tự Do trong luận văn tốt nghiệp Công cuộc phát triển cộng đồng tại Hồ Nai trình bày lịch sử hình thành và phát triển của cộng đồng Công giáo Bắc di cư đến Hồ Nai, phân tích thành quả phát triển và vai trò của cộng đồng đối với sự phát triển của Hồ Nai trong những năm 1970 [Võ Tự Do, 1974]. Cùng cách tiếp cận của Võ Tự Do, Nguyễn Quang Hưng (2004), Trần Hữu Hợp (2005) trong hai công trình *Vài nét về cuộc di cư của giáo dân Bắc Kỳ sau Hiệp định Gionevơ năm 1954* và *Quá trình hình thành và phát triển cộng đồng Công giáo người Việt vùng đồng bằng sông Cửu Long*. Tiêu biểu, Nguyễn Đức Lộc nghiên cứu cộng đồng Công giáo di cư ở nhiều khía cạnh khác nhau từ lịch sử, đến văn hóa, cấu hình xã hội, cơ cấu tổ chức của cộng đồng trong các công trình: *Cơ cấu tổ chức cộng đồng theo giáo xứ của người Việt Công giáo di cư năm 1954 tại Nam Bộ*; *Cuộc di cư năm 1954 phải chăng là một định mệnh lịch sử của người Công giáo Miền Bắc? Cấu hình xã hội cộng đồng Công giáo Bắc di cư tại Nam Bộ từ kích thích cộng đồng đến chiều kích cá nhân*.

Một nghiên cứu hiếm hoi tiếp cận vấn đề Công giáo từ quan điểm của chính phủ Việt Nam “*Vấn đề Công giáo miền Bắc Việt Nam qua tư liệu lưu trữ Ba Lan (1954-1956)*” của Trần Thị Liên khai thác những báo cáo của các đại sứ Ba Lan tại Hà Nội, báo cáo của phái đoàn Ba Lan trong Ủy hội Quốc tế Giám sát và Kiểm soát được lưu trữ tại Thư khố Bộ ngoại giao tại Warsaw (AMSZ) để phân tích vấn đề Công giáo trong những năm đầu của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa độc lập. Tác giả nhận định, những văn kiện cho thấy rõ dấu ấn của Hồ Chí Minh và Phạm Văn Đồng là những người luôn luôn tỏ ra thông hiểu và cởi mở đối với tôn giáo và có thể nói chính sách tôn giáo của

Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gần gũi chính sách của các nước Đông Âu cũ hơn là với Trung Quốc [Trần Thị Liên, 2005: 442-443].

Đặc biệt, nghiên cứu Bắc di cư: *Catholic Refugees from the North of Vietnam, and Their Role in the Southern Republic 1954 - 1959* [Dân Công giáo tị nạn từ Miền Bắc và vai trò của họ tại Việt Nam Cộng hòa 1954-1959], của Peter Hansen (2009) nghiên cứu trường hợp người Công giáo từ Giáo khu Phát Diệm, Bùi Chu và Thanh Hóa đến định cư ở Gia Kiệm. Nghiên cứu thảo luận với những tác giả trước đó về nguồn gốc di cư, quá trình tái định cư và ảnh hưởng của họ đối với xã hội miền Nam trong những năm đầu sau cuộc di cư. Nghiên cứu thách thức quan điểm cho rằng việc quá nhiều người Công giáo từ miền Bắc ra đi hoàn toàn là do những nỗ lực của tình báo Mỹ CIA hoặc các cơ quan khác thuộc chính phủ Mỹ và thách thức nhận định việc tái định cư của dân Công giáo miền Bắc ở khu vực trong và ven Sài Gòn là hệ quả của chính sách chiến lược của Tổng thống Ngô Đình Diệm chủ mưu. Tác giả cho rằng người Công giáo di cư hoàn toàn không thụ động trong quyết định di cư hay mất phương hướng trong sự hội nhập với đời sống mới ở Miền Nam [Hansen, 2009].

Như vậy, *Người Công giáo Bắc di cư năm 1954* không phải là chủ đề mới, đã có khá nhiều nghiên cứu tiếp cận từ lịch đại đến đồng đại ở nhiều khía cạnh khác nhau từ lịch sử hình thành và phát triển của cộng đồng; cấu hình xã hội hay tổ chức xã hội; phân tích chuyên sâu về nguồn gốc di cư, quá trình tái định cư; vấn đề Công giáo trong những năm độc lập đầu tiên ở Việt Nam Dân chủ Cộng hòa qua những tư liệu tìm được trong thư khố Ba Lan. Tuy nhiên, những nghiên cứu hoàn toàn bỏ qua một trường hợp không kém điển hình so với cộng đồng Công giáo di cư ở Hố Nai (Đồng Nai) là cộng đồng người Công giáo Bắc di cư năm 1954 tại Lạc An (nay thuộc huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương). Nghiên cứu này trả lời hai câu hỏi: (1) Quá trình định cư của người Công giáo cư di tại Lạc An diễn ra như thế nào?; và (2) Đời sống của giáo dân trong buổi đầu tái định ra sao?. Dưới đây, bài viết sẽ lý giải và trình bày.

## 1. Quá trình định cư

Sau khi Hiệp định Genève được ký kết (ngày 21/7/1954), Việt Nam bị chia cắt thành hai miền Bắc, Nam dẫn đến làn sóng người Công giáo di cư từ Bắc vào Nam lớn nhất trong lịch sử. Nghiên cứu của Peter Hasen [Hansen, 2009] đã khái quát cuộc tái định cư của người Công giáo di cư trên toàn miền Nam diễn ra theo ba giai đoạn.

*Giai đoạn đầu* tương ứng với khoảng thời gian đi lại tự do theo quy định của Khoản 14 (d) Hiệp định Genève (từ 21/7/1954 - 19/6/1955), dòng người di cư từ miền Bắc đến trú ngụ trong bốn mươi hai trạm tiếp cư gần các cảng và bến xe chính thuộc Sài Gòn, Chợ Lớn và Vũng Tàu. Các trạm này được thành lập tại các cơ sở công sẵn có như trường học, doanh trại quân đội Pháp trước đây và nhà thờ; hàng ngàn người tị nạn trú ngụ trong các khu lều được dựng trên vùng đất trống gần sân bay Tân Sơn Nhất và trường đua Phú Thọ.

*Giai đoạn hai*, bắt đầu trước khi thời hạn ba trăm ngày theo Hiệp định Genève kết thúc, dòng người di cư đã đến sống ở Sài Gòn, Chợ Lớn và Vũng Tàu được chuyển đến những vùng định cư lâu dài hơn tại các tỉnh phụ cận, các trung tâm đô thị theo sự lựa chọn của người di cư. Việc tái định cư trong giai đoạn này không chịu sự chỉ đạo bởi một kế hoạch toàn diện, chiến lược và do nhà nước bảo trợ; thay vào đó, nó được định hình bởi sự đan xen giữa những tình huống ngẫu nhiên, các quyết định bộc phát và sáng kiến của chính những người di cư. Từ tháng 8/1954, chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã trao cho Giám mục Phạm Ngọc Chi (vừa đến Sài Gòn ít ngày trước đó) một vùng đất rộng hai mươi lăm ngàn hecta tại các huyện Biên Hòa (trong đó có Lạc An) và Xuân Lộc (lúc đó thuộc tỉnh Long Khánh).

Không giống với hai giai đoạn đầu tái định cư, *giai đoạn ba*, bắt đầu một cách do dự vào cuối năm 1955 và đã nhanh chóng tăng tốc bởi những nỗ lực của chính quyền Ngô Đình Diệm nhằm chuyển dịch người Bắc di cư theo hướng hoàn thành các mục tiêu kinh tế, an ninh và chính trị dài hạn nhất định. Trong giai đoạn này, nhà cầm quyền tập trung những nỗ lực của họ vào việc di dời người di cư ra khỏi những khu vực đông dân như khu ngoại ô Sài Gòn và Chợ Lớn, Gia Định, Biên Hòa, Đà Nẵng và duyên hải miền Trung-đến những khu vực thưa

dân hơn thuộc Đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên [Hansen, 2009: 193-195].

Tương ứng với ba giai đoạn tái định được Peter Hasen khái quát, cuộc di cư của người Công giáo từ Hưng Yên đến tái định cư ở Lạc An, theo hồi ký của một vị linh mục<sup>1</sup> được mô tả chi tiết như sau:

Từ cuối tháng 7/1954 dân làng bàn tán xôn xao về chuyện bỏ làng ra đi. Mọi người đều ngao ngán, lo lắng, chẳng buồn ngó ngang đến đồng ruộng [...] một lệnh khẩn cấp từ trên (từ Giám mục Giáo phận truyền xuống Linh mục giáo xứ và được phổ biến trong giáo dân): phải di cư vào Nam. Dân làng bán hết nhà cửa, đất đai, trâu bò. Dân làng hầu hết lên đường di cư, chỉ còn khoảng mười gia đình ở lại. Dân làng được lệnh tập trung tại tỉnh lỵ Hưng Yên, hòa vào khối 25 ngàn người dân di cư của tỉnh, chờ xe cam nhông đến chờ tới Hải Dương, tạm trú tại Đền các Thánh tử đạo, đợi ngày ra Hải Phòng, xuống tàu vào Nam.

Sau ba tuần ở Hải Dương, ngày 20/8/1954 dân làng được lệnh thu xếp hành lý di chuyển gấp xuống Hải Phòng bằng những cỗ xe nhà binh Pháp, dân làng được xuống cửa sông Vật Cách ở lại đó một đêm, sáng hôm sau lên tàu hải quân Mỹ trực chỉ miền Nam. Sau hai ngày tàu cập bến Sài Gòn. Mọi người được đưa tới Trại Tiếp cư Phú Thọ, gần trường đua Phú Thọ và ở đó ít thời gian chờ ngày đi định cư. Sau một thời gian tạm trú ở Phú Thọ, đại bộ phận dân làng được đưa đến định cư tại Lạc An. Thời gian đầu ai cũng nghĩ sẽ trở về quê cũ. Họ dựng tạm nhà ở một cách sơ sài, chủ yếu sống bằng tiền trợ cấp qua ngày. Sau đó một thời gian mọi người nhận ra rằng phải chọn miền đất mới làm quê hương thứ hai và bắt tay vào xây dựng cuộc sống mới [Phạm Sông Hồng, 2020: 42].

Cảm thông với tình cảnh khó khăn của người di cư, viên Thiếu tá người Pháp Lacombe, hiện thời phụ trách phân nửa tỉnh, đã vận động Chính quyền nhượng cho khu đất có chiều dài khoảng 12km dọc sông Đồng Nai khi ấy còn hoang vắng, cây cối um tùm chưa có người khai phá cho người di cư cất trại ở và khẩn hoang để trồng trọt và sinh sống. Người di cư sống tại năm trại số 82, 83, 84, 85 và 85b được thành lập từ đầu tháng 9/1954 đến tháng 3/1955 với số dân 15.099 đến từ các giáo xứ Vạn Phúc (5.531 người), Ngọc Tiên (3.622), Hoàng Châu (1.927 người), Mỹ Vân (3.307 người) và Biên Hà (912 người) thuộc

hai tỉnh Thái Bình và Hưng Yên [Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, 1955: 7]. Tại đây, họ được sự dẫn dắt tinh thần của các Linh mục Phêrô Mai Trí Thuật, Micae Nguyễn Khắc Tuấn, Đaminh Trần Trung Trực, Đaminh Trịnh Đức Luyện, Đaminh Trịnh Ngọc Phan hoặc Vũ Ngọc Phan cùng với sự hỗ trợ của 45 Thầy Giảng và 250 nữ tu thuộc các Nhà Phước gốc Ngọc Đồng, Bồ Ngọc, Vân Am, Tiên Chu, Viên Tiêu và Ninh Cù” [Phạm Sông Hồng, 2020: 35-47].

Sau một thời gian đến Lạc An một số giáo dân nhận thấy nơi này xa xôi thuộc chiến khu Đ, rừng rú và nguy hiểm đã chủ động tìm đến một nơi khác để định cư (sang Hố Nai). Bên cạnh đó, năm 1956 chính quyền Việt Nam Cộng hòa tiếp tục cho di dời những người di cư từ những nơi ít đất sản xuất đến những vùng rộng lớn để có nhiều đất canh tác hơn. Vì hai lý do này số người di cư định cư tại Lạc An từ năm 1956 có giảm đi so năm 1955. Cụ thể, một báo cáo về hoạt động di cư, định cư từ Phủ Tổng ủy (năm 1956) ghi lại “ [...] Trại trưởng xin phân tán 2.000 người đi Cần Thơ” [Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, 1956: 2-3]. Số khác, người di cư xuất xứ từ làng Hoàng Xá đã rời Lạc An đến định cư ở ấp Đông Hải II, xã Hố Nai, quận Đức Tu, tỉnh Biên Hòa” (Phạm Sông Hồng, 2020: 110-111). Vì vậy, đến ngày 1/8/1956, các trại ở Lạc An có lượng nhân số giảm xuống còn 14.032 người.

Từ tháng 10/1956 khu định cư của người Công giáo ở Lạc An trở thành đơn vị hành chính cấp xã- xã Thái Hưng (được ghép từ Thái trong Thái Bình và Hưng trong Hưng Yên) với dân số là 10.500 đồng bào di cư Công giáo. Xã Thái Hưng là một trong bảy đơn vị hành chính mới của tỉnh Biên Hòa<sup>2</sup> vốn hình thành từ 14 khu định cư [Trung tâm lưu trữ Quốc gia II (d), 1957].

Việc tái định cư cho những người Công giáo di cư cùng sự hòa nhập của họ vào xã hội miền Nam trở thành một trong những nhiệm vụ cấp bách nhất của chính quyền Ngô Đình Diệm trong những năm đầu cầm quyền. Điều đầu tiên và quan trọng nhất là cấp đất ở và đất canh tác cho người di cư. Phủ Tổng ủy di cư tị nạn đã áp dụng Dự số 07, ngày 5/2/1955 của chính quyền Sài Gòn, quy định việc tái canh tác ruộng hoang. Theo tinh thần của Dự số 07, điền chủ trong vùng phải khai báo diện tích đất xin giữ lại để canh tác, số còn lại bán cho chính

phủ với giá 500\$/1héc-ta. Chính phủ tạm cấp cho đồng bào di cư mỗi hộ ba héc-ta (đất thổ cư và đất canh tác) và một số phương tiện để canh tác. Khi canh tác có hiệu quả, họ phải trả góp cho chính phủ trong sáu năm, với giá 500\$/1héc-ta. Ngoài ra, công điền, công thổ trong vùng cũng được tạm cấp cho dân di cư. Khi được cấp đất, việc cất nhà cho mỗi gia đình được tiến hành (tự làm, hoặc đỏi công, hay thuê mướn). Phủ Tổng ủy di cư tị nạn cung cấp vật liệu và tài trợ 3.000\$ cho việc đắp nền và cất nhà [Nguyễn Đức Lộc, 2014: 82]. Đúng như hồi ký của Phạm Sông Hồng ghi lại “Chính phủ phát cho mỗi gia đình tiền làm nhà, tiền ăn trong 6 tháng, một con trâu hay bò Thái Lan, một số dụng cụ canh tác ruộng đất và một khoản tiền làm vốn sinh sống” [Phạm Sông Hồng, 2020: 47]. Trong khoảng thời gian ngắn 6 tháng (ngày 1/12/1956- 1/7/1957) chính quyền đã thực hiện một nửa dự án định cư cho người di cư với hai tiêu chí quan trọng nhất là nhà ở và giếng nước. Cụ thể, tháng 12/1956 dự án được bắt đầu tại 6 trại: Hoàng Châu, Mỹ Vân, Ngọc Lâm, Thái An, Thượng Phúc và Vân Đồn hoàn toàn chưa có giếng nước; và các trại Mỹ Vân, Thái An và Vân Đồn chưa có nhà ở. Tháng 3/1957, tất cả các trại đều có nhà ở, chỉ còn trại Mỹ Vân và Thái An chưa có giếng nước. Chỉ trong vòng bốn tháng (từ tháng 3 - tháng 7/1957), số giếng nước ở các trại tăng hơn gấp đôi. Số nhân khẩu, nhà ở và giếng nước tăng đều theo thời gian. Tháng 12/1956, tổng số nhân khẩu ở sáu trại là 10.241, đến tháng 3/1957 tăng lên 10.457 người và tháng 7/1957 là 10.636 nhân khẩu. Nhà ở, tháng 3/1957 tăng hơn gấp đôi so với tháng 12/1956: 2.112/930 và đến tháng 7/1957 tăng không nhiều (2.122) cho thấy về cơ bản tháng 3/1957 dự án đã đáp ứng gần đủ số nhà ở cho người di cư. Khi dự án bắt đầu chưa có giếng nước, đến tháng 3/1957, sáu trại có được 20 giếng nước và đến tháng 7/1957 số giếng nước tăng hơn gấp đôi (55 giếng). Tiến độ thực hiện dự án cho thấy chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã rất quan tâm đến những người di cư. Ấu cũng là điều dễ hiểu bởi Tổng thống Ngô Đình Diệm cũng là người Công giáo.

Như vậy, hành trình di cư và định cư Lạc An của người Công giáo từ Thái Bình, Hưng Yên mất gần ba năm (tháng 8/1954 rời quê nhà và tháng 7/1957 ổn định chỗ ở, có đất đai để canh tác). Đó là khoảng thời gian khó khăn nhất của cộng đồng.

Bảng 1. Tình hình thực hiện dự án định cư cho người Công giáo di cư ở Lạc An

| Trại        | Nhân khẩu (đv: người) |        |        | Nhà ở (đv: cái) |        |        | Giếng nước (đv: cái) |        |        | Tiến độ     |         |         |
|-------------|-----------------------|--------|--------|-----------------|--------|--------|----------------------|--------|--------|-------------|---------|---------|
|             | 12/1956               | 3/1957 | 7/1957 | 12/1956         | 3/1957 | 7/1957 | 12/1956              | 3/1957 | 7/1957 | 12/1956     | 3/1957  | 7/1957  |
| oàng Châu   | 2.074                 | 2.095  | 2.132  | 452             | 418    | 424    | -                    | 10     | 10     | Mới bắt đầu | ½ dự án | ½ dự án |
| Mỹ Văn      | 1.903                 | 1.903  | 1.903  | -               | 382    | 381    | -                    | -      | 4      |             |         |         |
| Ngọc Lâm    | 1.881                 | 1.975  | 1.915  | 400             | 383    | 400    | -                    | 5      | 5      |             |         |         |
| Thái An     | 1.730                 | 1.745  | 1.820  | -               | 349    | 349    | -                    | -      | 29     |             |         |         |
| Thượng Phúc | 1.198                 | 1.215  | 1.290  | 78              | 243    | 238    | -                    | 1      | 3      |             |         |         |
| Vân Đôn     | 1.455                 | 1.524  | 1.576  | -               | 337    | 330    | -                    | 4      | 4      |             |         |         |
| Tổng        | 10.241                | 10.457 | 10.636 | 930             | 2.112  | 2.122  | -                    | 20     | 55     |             |         |         |

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, hồ sơ số 4410, 4933, 101, 4928 phong Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa; hồ sơ số 2679, phong Tòa Đại biểu Chính phủ tại Nam Phần.

Song song đó, chính quyền cho xây dựng trường học dành cho trẻ em di cư, trường Tiểu học Mai Đức Tín tọa lạc ở giáo xứ Võng Phan, khai giảng niên khóa đầu tiên 1954- 1955, khi đó học sinh bậc Trung học phải ghi danh ở trường Thánh Tâm, thuộc giáo xứ Thánh Tâm, thành phố Biên Hòa.

Chỉ mỗi một chiếc phà nhà binh Pháp đang hoạt động không thể đáp ứng được nhu cầu qua lại giữa hai bên sông Đồng Nai cho hơn 15.000 người di cư, 500 người địa phương Tổng ủy viên phụ trách Đồng bào Tỵ nạn gửi Trình thư đến Tòa Đại biểu Chính phủ tại Nam Việt xin cấp thêm ghe thuyền vào tháng 3/1955 “tại Lạc An (Biên Hòa) hiện có một chiếc phà do Binh gia Pháp thiết lập, song tôi nhận thấy tại nơi này đồng bào định cư đông đúc, một chiếc phà không đủ để đồng bào qua lại, cần phải đặt thêm một chiếc phà nữa.

Theo ông Tổng trưởng Bộ Công chính cho Phủ tôi biết: hiện Nha Công chính Nam Việt có sẵn một chiếc đò chèo bằng gỗ do Ty Công chính Gia Định đóng với kinh phí của ngân sách Nam Việt, nếu ông Đại biểu Chính phủ ưng thuận thì Nha Công chính Nam Việt sẽ giao chiếc đò ấy cho ông Tỉnh trưởng Biên Hòa để dùng ở Lạc An.

Vậy trân trọng xin ông Đại biểu Chính phủ vui lòng giao chiếc đò ấy cho ông Tỉnh trưởng Biên Hòa để dùng cho đồng bào tỵ nạn ở Lạc An chớ qua sông” [Trung tâm lưu trữ Quốc gia II (c), 1955].

Chiếu theo trình thư này chính quyền đã cấp thêm một chiếc phà cho khu trại định cư Lạc An vào năm 1955, vấn đề vận chuyển qua lại hai bên sông Đồng Nai tạm thời được giải quyết.

Đến cuối năm 1957, hành trình tái định cư của người Công giáo từ hai tỉnh Thái Bình và Hưng Yên đã kết thúc, những ai không tiếp tục

chuyển cư đi Hồ Nai hay Bến Sắn tức đã quyết định chọn Lạc An làm quê hương thứ hai, bắt đầu xây dựng cuộc sống mới, tái lập đời sống gia đình và cộng đồng theo mô thức truyền thống miền Bắc. Chính quyền Việt Nam Cộng hòa thực hiện các dự án hỗ trợ người di cư sớm ổn định cuộc sống và hòa nhập vào xã hội miền Nam: cấp đất và hỗ trợ kinh phí làm nhà, đào giếng để người dân có nước sinh hoạt và làm nông; cấp đất và nông cụ để canh tác; cấp thêm đồ để người dân thuận lợi đi lại, trẻ em di cư dễ dàng được đến trường vì trường được xây dựng ngay tại khu tái định cư.

## 2. Đời sống giáo dân (tín đồ)

Từ trại tạm cư được đưa đến nơi định cư, sau khi được cấp đất giáo dân bắt tay vào xây dựng cuộc sống mới ở Lạc An. Việc đầu tiên, mỗi gia đình đều lo hoàn thiện là không gian sinh sống có nhà ở, nơi chăn nuôi và trồng trọt giống như ngày còn ở quê nhà. Theo hồi ký của một “người trong cuộc” (Phạm Sông Hồng (tên hiệu của Phạm Quang Tòng) sau này trở thành Linh mục), ngôi nhà được dựng trên phần đất được chính quyền phân chia “mái tranh, cột gỗ, kèo tre, chung quanh được che chắn bằng những phen cỏ tranh đan thô sơ. Giường nằm bằng những thanh tre, chân gỗ, dát nửa kết tạo cách nhanh vội [...]” [Phạm Sông Hồng, 2020: 47].

Sinh kế của cộng đồng giáo dân Thái Bình-Hung Yên trên vùng quê mới Lạc An cơ bản cũng vẫn là mô thức truyền thống *Dĩ nông vi bản* hay *Canh nông vi bản* quanh nhà có chuồng trâu, chuồng bò... mảnh vườn trồng rau muống, rau cải, rau lang. Họ ra sức khẩn hoang làm đất để trồng lúa, trồng ngô. Không bao lâu, dân làng đã thấy đời sống “canh nông vi bản” ngoài Bắc trở lại (...) tạo màu xanh tự nhiên quen thuộc” [Phạm Sông Hồng, 2020: 47].

Cùng với nghề nông, khai thác nguồn tài nguyên sẵn có từ rừng người di cư có thêm nghề thủ công “Lạc An thuộc rừng chiến khu Đ, rừng cây, rừng tre nứa, rừng lá gồi, rừng mây leo. Đó là kho bạc cho dân di cư mới đến: tiền rừng, bạc bể! Thế là một nghề mới, nghề tiểu thủ công đan lát xuất hiện. Người ta đua nhau lên thác Trị An, chặt tre chặt nứa, đóng bè, trở thác, xuôi sông... Người ta kiếm tìm mây lá, dùng xe đạp thò về theo đường đất đỏ phía bên Đại An, để đan quạt,

tạo ghế bàn theo kiểu cách. Không bao lâu, Lạc An trở thành một Làng tiểu thủ công nghiệp sầm uất... Người ta đan quạt, đan nón, đan rổ rá, dân sàng, nong nia, thúng xảo, đánh thùng, đánh chảo, đan cọt, dệt thảm... Khu Tân Mỹ và Thượng Phúc làm nghề chài lưới, soi tôm bắt cá dọc sông Đồng Nai và ngược dòng sông Bé. Lạc An đã ổn định và phát triển đời sống rất nhanh” [Phạm Sông Hồng, 2020: 47-48].

Theo báo cáo chính thức của Trại định cư, sinh kế của người Công giáo di cư tại Lạc An gồm nghề nông, tiểu thủ công, buôn bán và làm thuê. Cụ thể có 10.564 người làm nông gồm trồng lúa và hoa màu; 4.528 người làm nghề tiểu công nghệ, buôn bán và làm thuê, không có số thống kê về nghề chài lưới [Trung tâm lưu trữ Quốc gia II (f), 1955 ].

Tuy nhiên, trong thực tế, tại Lạc An có ít nhất hai trại chuyên nghề đánh bắt thủy sản: Tân Mỹ, Thượng Phúc. Trong *Hành trình nửa thế kỷ 1954- 2006* ghi nhận “Bà con trong họ Tân Mỹ đã chọn bờ sông làm địa bàn sinh sống. Vì đa số mưu sinh bằng nghề cá” [Hồng Nguyên, 2006: 18-20]; và theo Phạm Sông Hồng “Khu Tân Mỹ và Thượng Phúc làm nghề chài lưới, soi tôm bắt cá dọc sông Đồng Nai và ngược dòng sông Bé” [Phạm Sông Hồng, 2020: 48]. Cách đánh bắt tôm bằng cách đặt bẫy ở bãi bồi khá đơn giản “bẫy bắt tôm được đan bằng nan tre, phần dưới như một cái mẹt, phần trên tương tự như cái rổ, mỗi câu tôm là củ mì; giữa những người làm công việc này có quy ước, phân chia khu vực đặt bẫy” (PVS, Linh mục Đ.N.Th (khi ấy là giáo dân), Lạc An, 2023). Như vậy, đa số người Công giáo di cư tại Lạc An sống bằng nghề nông trồng lúa hoặc hoa màu, nghề thủ công, buôn bán, và đánh bắt tôm cá.

Bỏ lại quê nhà cả cơ nghiệp (nhà cửa, ruộng vườn) người di cư không khỏi bùi ngùi tiếc nuối nhưng họ được an ủi phần nào nhờ vùng đất mới màu mỡ, khí hậu ôn hòa. Mọi thành viên trong gia đình ý thức về sự đóng góp của mình để gia đình sớm ổn định lại cuộc sống. Một linh mục hồi ức về thời niên thiếu, lúc gia đình mới di cư đến “Tôi được mẹ phân công cho những việc nhỏ. Sáng đi học, chiều chần trâu, đun nước, quét nhà, dọn bữa ăn, tưới rau, nhổ cỏ... các anh chị lớn thì phát cỏ, phá đất, trồng tía, đan xảo, đan mẹt. Không mấy lúc đám cỏ tranh tốt um, dày đặc đã bị đốt trụi, nhô lên những

triền đất cao, những lũng nước thấp. Thế là ngô khoai mọc lên, lúa mọc phủ kín những mảnh đất trũng bằng màu xanh non. [...] Mẹ tôi cũng đi ruộng rẫy nhưng không còn cần cù tât bật như hồi ở Bắc. Bà ở nhà nhiều hơn và để ý đến việc nuôi heo nái, heo thịt [...]” [Phạm Sông Hồng, 2020: 49].

Đối với người Công giáo, Nhà thờ giáo xứ là trung tâm của đời sống thiêng liêng nhất và là một thiết chế không thể thiếu được để họ thực hành đức tin. Đặc biệt, với người ly hương, nhà thờ còn là trung tâm cố kết cộng đồng. Do vậy, trong những ngày đầu định cư trên vùng đất mới, nhà thờ được xây dựng trước tiên. Dù còn phải lo cuộc sống gia đình, nhưng hầu hết giáo dân đều rất nhiệt thành tham gia vào việc xây dựng nhà thờ của giáo xứ. Giống như mô tả của Nguyễn Đức Lộc “Công việc được phân chia cho các giáo họ tùy theo số giáo dân nhiều hay ít. Các thanh niên, trung niên khỏe mạnh rủ nhau vào rừng, xuống khe tìm những cây gỗ tốt và đủ kích cỡ. Việc đưa được một cột từ dưới khe lên mặt đồi thật là vất vả, sau đó mới hò nhau khiêng về. Ở nhà đã có sẵn toán thợ lành nghề đẽo gọt, bào nhẵn từng cây rồi cửa cắt, đục mộng. Những người kém sức khỏe hơn thì ở nhà tham gia công việc nhẹ. Ngày cất nhà thờ là một ngày hội, người khỏe mạnh đều đến tham gia, nét mặt ai nấy hết sức vui mừng. Theo lệnh của thợ cả, từng chiếc vì kèo được cất lên trong tiếng reo hò, chẳng mấy chốc bộ khung nhà thờ được dựng lên sừng sững, hiên ngang giữa bầu trời [Nguyễn Đức Lộc, 2014: 84].

Những nhà thờ trong buổi đầu định được cất lên từ những vật liệu sẵn có ở địa phương nên còn rất thô sơ “[...] các nhà thờ: cột kèo bằng cây thô, đòn tay bằng tre, mái lợp tranh, tường bằng phen tre, cửa nẻo sơ sài, mặt nền bằng đất thịt chèn nện thật kỹ, ghé ngòi bằng gỗ và thanh tre khô. Đặc biệt, người ta thu gom các vỏ bom còn vương vãi quanh vùng, dưới sông suối, trên triền đồi, đem về cửa đồi làm hai quả chuông hiệu. Âm thanh báo hiệu của các nhà thờ vang lên, sắc thái khác nhau, đến nỗi người ta có thể phân biệt được chuông hiệu của xứ Mỹ Vân với Hoàng Châu, với Võng Phan” [Phạm Sông Hồng, 2020: 48]. Dần dần, sinh hoạt tôn giáo cũng đã đi vào nề nếp như thời còn ở quê nhà, bởi, sự tận tâm của các linh mục, thầy giảng, tên của họ “đã đi vào lịch sử cộng đoàn Công giáo Lạc An, như Thầy Tài ở Biên Hà;

Thầy Song, Thầy Chế ở Lục Điền; Thầy Hiên ở Mỹ Vân; Thầy Phương ở Hoàng Châu; Thầy Trị ở Cảnh Lâm; Cụ Tứ Trình và Thầy Bách ở Thượng Phúc...” [Phạm Sông Hồng, 2020: 48].

Giống như bất kỳ một cộng đồng Công giáo di cư nào vào miền Nam, tại Lạc An, tên gọi các giáo xứ tương ứng với tên các làng gốc: Hoàng Châu, Mỹ Vân, Ngọc Lâm, Thái An, Thượng Phúc, Vân Đồn; giới tăng lữ địa phương tái tạo lại hệ thống tổ chức, quản lý giáo xứ theo mô hình giáo xứ Miền Bắc; giáo dân tụ cư theo cùng họ đạo và vẫn duy trì nếp sống truyền thống như quê nhà. Điều này “có tác động nhất định đến quá trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của cộng đồng. Có thể nói, nó là chất keo gắn kết các thành viên trong cộng đồng lại với nhau, góp phần hiện thực hóa các chương trình phát triển cộng đồng” [Nguyễn Đức Lộc, 2014: 85].

### **Kết luận**

Bắt đầu rời quê nhà ở Thái Bình và Hưng Yên từ tháng 8/1954, mất ba năm người Công giáo di cư mới hoàn thành việc tái định cư tại Lạc An (năm 1957) nhờ các dự án của chính quyền dành cho người Công giáo di cư và sự nỗ lực của bản thân người di cư. Bỏ lại quê hương nhà cửa, vườn tược, ruộng lúa để bắt đầu cuộc sống mới ở miền đất xa xôi, dù đất đai màu mỡ, mưa thuận gió hòa nhưng còn hoang vu phải bỏ sức người khai phá mới có thể trồng trọt, buổi đầu họ không khỏi xót xa, nuối tiếc nhưng qua thời gian với bản tính cần cù lao động, lối sống nề nếp của người Công giáo miền Bắc, vùng đất um tùm đầy cỏ dại rồi cũng nhường chỗ cho những ngôi nhà đơn sơ nhưng ấm áp, quanh nhà còn có thêm ao cá, chuồng bò, trâu, những ruộng lúa tươi tốt. Nhiều gia đình còn tranh thủ thời gian nông nhàn làm thêm nghề thủ công, đánh bắt cá ở sông Đòng Nai, cuộc sống dần ổn định và khấm khá. Những nhà thờ được xây đơn sơ, tạm bợ trong thời gian đầu mới đến dần dần được thay thế bằng những ngôi nhà thờ khang trang hơn, đời sống đạo trở lại quỹ đạo xưa. Trải qua hơn nửa thế kỷ (1954-2024) cá nhân và cộng đồng người Công giáo tại Lạc An dù đã hòa nhập vào đời sống văn hóa miền Nam nhưng chúng ta vẫn dễ dàng nhận ra căn tính văn hóa Công giáo miền Bắc mỗi khi đến nơi này qua tên giáo xứ (Hoàng Châu, Mỹ Vân, Lục Điền, Vọng Phan, Thượng Phúc, Vân Đồn, Cảnh Lâm), lối sống ngoan đạo, nề nếp gia

đình miền Bắc. Văn hóa của người Công giáo di cư tại Lạc An góp phần làm phong phú văn hóa Bình Dương./.

---

### CHÚ THÍCH:

- 1 Linh mục Phạm Quang Tông (bút danh Phạm Sông Hồng) vốn là người Hưng Yên, di cư đến Lạc An năm 1954.
- 2 Nghị định số 140-BNV/HC/NĐ của Bộ trưởng Nội vụ Việt Nam Cộng hòa, ngày 2/5/1957 xác nhận Thái Hưng và Lạc An là hai xã tồn tại độc lập của quận Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa. Đến ngày 20/10/1957, Nghị định số 318-BNV/NC/NĐ lại công bố sáp nhập hai xã Lạc An và Thái Hưng, lấy tên mới Thái Hưng, thuộc lần lượt các quận Tân Uyên (Biên Hòa), Hiếu Liêm (Phước Thành) và Công Thanh (Biên Hòa), duy trì đến hết thời kỳ Việt Nam Cộng hòa. Sau năm 1975, danh xưng cũ Lạc An lại được tái lập cho đến ngày nay, thuộc về huyện Tân Uyên, tỉnh Sông Bé và rồi huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Võ Tự Do (1974), *Luận Văn Tốt Nghiệp—Công Cuộc Phát Triển Cộng Đồng Tại Hồ Nai* [Trường Quốc gia Hành chính].  
<http://luanvan123.info/threads/cong-cuoc-phat-trien-cong-dong-tai->
2. Hansen, P. (2009), *Bắc Di Cư: Catholic Refugees from the North of Vietnam, and Their Role in the Southern Republic, 1954–1959*. *Journal of Vietnamese Studies*, 4(3), 173-211. <https://doi.org/10.1525/vs.2009.4.3.173>
3. Phạm Sông Hồng (2020), *Những năm tháng cuộc đời*. Tác giả tự xuất bản.
4. Nguyễn Đức Lộc (2014), "Cuộc di cư năm 1954 phải chăng là một định mệnh lịch sử của người Công giáo Miền Bắc?" *Tạp chí Nghiên cứu Tôn Giáo*, 131(5) tr 77-87.
5. Neese, H. C., & O'Donnell, J. (2001), *Prelude to tragedy: Vietnam, 1960-1965*. Annapolis, Md.: Naval Institute Press.  
[http://archive.org/details/isbn\\_9781557504913](http://archive.org/details/isbn_9781557504913), Đăng tải ngày 04/04/2014, Truy cập ngày 23/01/2024
6. Hồng Nguyên (2006), *Hành trình nửa thế kỷ 1954-2006*. Tư liệu cá nhân.
7. Trung tâm lưu trữ Quốc gia II. (a) (1957), "*Hợp thức hóa tình trạng hành chánh của các trại định cư trong Nam Phần Việt Nam*". Hồ sơ số 4929, phòng Phủ Tổng Thống Đệ Nhất Cộng hòa.
8. Trung tâm lưu trữ Quốc gia II. (b) (1955), *Sổ các làng định cư*. Tháng 9/1955.
9. Trung tâm lưu trữ Quốc gia II. (c) (1955), *Tòa Tổng ủy Đồng bào Tỵ nạn, "V/v xin 1 chiếc đò cho trại Lạc An", vb số 1557-TU/DC/HC4, ngày 16.3.1955*. Phòng Tòa Đại biểu Chính phủ tại Nam Phần.; Hồ sơ số 4061.
10. Trung tâm lưu trữ Quốc gia II. (d) (1957), "*Tóm lược Phúc trình ngày 7.1.1957 của ông Đại biểu Chánh phủ tại Nam Phần v/v hợp thức hóa*

*tình trạng hành chính các trại định cư.*” hồ sơ số 4929, phòng Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa.

11. Trung tâm lưu trữ Quốc gia II. (e) (1957), *Tổng ủy Di cư, “Di cư.”* Hồ sơ số 4423, Phòng Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa.

12. Trung tâm lưu trữ Quốc gia II. (f) (1955), *“Trại định cư tại Nam Việt xếp theo tiến độ dự án và phân hạng trại.”* Hồ sơ 4410, phòng Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa.

### **Abstract**

#### **THE SETTLEMENT PROGRESS AND IDENTIFICATION OF CATHOLIC MIGRANTS IN LAC AN (1954 – 1957)**

**Nguyen Van Hiep, Nguyen Van Giac,**

**Tran Hanh Minh Phuong**

*Thu Dau Mot University*

According to Article 14 Part (d) of the Geneva Agreement, Vietnamese people were permitted to migrate from the North to the South, and vice versa within 300 days (ended on May 19, 1955). Seventy-five percent of migrants southward were Catholics. Based on archival sources at the National Archives Centre II, church history books, fieldwork documents from oral history interviews, and in-depth interviews with priests and Catholics, this paper presents the settlement progress and identification of Catholic migrants in Lac An from 1954 to 1957. The findings reveal that the parishioners of Lac An originated from the Van Phuc, Ngoc Tien, Hoang Chau, My Van, and Bien Ha parishes of the Thai Binh diocese (provinces of Thai Binh and Hung Yen). They settled in An Lạc in September 1955, then they established parishes with their hometown names. The Lac An parishioner community quickly stabilized their life through farming, fishing, and traditional crafts with the help of the priests, the Republic of Vietnam government, and individual efforts. To serve the needs of the migratory community, churches, schools, and markets were also established one after the other.

**Keywords:** Catholic, migrants, the North, Lac An, Binh Duong, 1954 – 1975, Vietnam.